

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 94/2025/DS-ST

Ngày: 07-8-2025

*V/v: “Tranh chấp về hoạt động cung ứng
dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Đông Thanh
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Nguyễn Văn Đích và bà Vũ Thị Lệ Thủy.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Bích Hậu - Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:***
Bà Phạm Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 115/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (V1)**; địa chỉ trụ sở chính: Số H L, phường L, quận Đ, TP ..

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số: 10/2025/UQN- CTQT ngày 12/02/2025): Ông Nguyễn Hồng B - Trưởng Phòng xử lý nợ Phản ứng nhanh Khách hàng cá nhân.

Người đại diện theo ủy quyền lại (theo Giấy ủy quyền số: 0104/2025/UQ-VPB ngày 01/4/2025): Ông Lê Văn T - Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Nguyễn Văn D1 - Chuyên viên xử lý nợ; Lê Thị Thảo N - Chuyên viên xử lý nợ; cùng địa chỉ: Tầng D, số A P, quận H, TP .. Ông D1 có mặt.

- Bị đơn: Bà **Văn Thị T1**, sinh năm 1968; địa chỉ: Số nhà B đường M, phường S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 28/4/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn D1 trình bày:*

Bà Văn Thị T1 vay vốn của V1 theo các Hợp đồng với số tiền vay và mục đích như sau:

Ngày 24/10/2022, ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ, thông tin cụ thể như sau:

- Số tiền vay/hạn mức cấp thẻ: 249.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi chín triệu đồng*).

- Mục đích vay: Tiêu dùng.

- Thời hạn vay: 60 tháng.

- Lãi suất vay: 27%/ năm.

- Lãi suất quá hạn: 150% của lãi suất trong hạn.

- Ngày giải ngân: 28/10/2022.

Ngày 02/11/2022, ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử:

- Số tiền vay/hạn mức cấp thẻ: 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

- Mục đích vay: Tiêu dùng

- Thời hạn vay: 60 tháng.

- Lãi suất vay: Quy định của V1 theo từng thời kỳ: 47.88%.

- Lãi suất quá hạn: 150% của lãi suất trong hạn.

- Ngày giải ngân: 25/11/2022.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, bà Văn Thị T1 đã thanh toán cho V1 tổng số tiền: 116.423.512 đồng. Bà Văn Thị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 05/03/2024 đối với V1 và đã chuyển sang dư nợ quá hạn, bà Văn Thị T1 phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký. Tạm tính đến ngày 07/08/2025, bà Văn Thị T1 còn nợ V1 tổng số tiền là 404.120.575 đồng (*Bốn trăm lẻ bốn triệu, một trăm hai mươi nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng*), cụ thể:

Nợ Hợp đồng LD2230101500 ngày 24/10/2022 tổng số tiền 313.400.285 đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 214.757.370 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 75.765.171 đồng
- Nợ lãi quá hạn : 22.877.744 đồng

Nợ Hợp đồng 104-P-5785423 ngày 02/11/2025 tổng số tiền 90.720.290 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 48.167.338 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 42.552.952 đồng.

Hiện tại, V1 cam kết chưa bán khoản vay của bà Văn Thị T1 cho bất kì công ty nào. Vì bà Văn Thị T1 đã vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận thanh toán với V1, nên V1 khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Văn Thị T1 phải thanh toán dứt điểm toàn bộ số tiền nợ gốc; nợ lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/8/2025 là: 404.120.575 đồng. Cụ thể:

- Số tiền 313.400.285 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 214.757.370 đồng; nợ lãi trong hạn: 75.765.171 đồng; nợ lãi quá hạn: 22.877.744 đồng và lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 08/8/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng vay số: LD2230101500 ký ngày 24/10/2022.

- Số tiền 90.720.290 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 48.167.338 đồng; nợ lãi: 42.552.952 đồng và lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 08/8/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng vay số: 104-P-5785423 ký ngày 02/11/2022.

* Bị đơn bà Văn Thị T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của bà T1 trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn: Chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 280 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi năm 2017; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016. Đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*” của Ngân hàng TMCP V đối với bà Văn Thị T1.

Buộc bà Văn Thị T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/8/2025 là: 404.120.575 đồng. Cụ thể:

- Số tiền 313.400.285 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 214.757.370 đồng; nợ lãi trong hạn: 75.765.171 đồng; nợ lãi quá hạn: 22.877.744 đồng và lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 08/8/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng vay số: LD2230101500 ký ngày 24/10/2022.

- Số tiền 90.720.290 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 48.167.338 đồng; nợ lãi: 42.552.952 đồng và lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 08/8/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng vay số: 104-P-5785423 ký ngày 02/11/2022.

*** Về chứng cứ:**

Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng vay số: LD2230101500 ngày 24/10/2022.

Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng vay số: 104-P-5785423 ngày 02/11/2022.

Những tình tiết các bên thống nhất: Không có.

Những tình tiết các bên không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính Phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30.6.2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng thì tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP V và bà Văn Thị T1 là *tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bà Văn Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà T1.

[2]. Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng vay số: LD2230101500 ngày 24/10/2022 và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng vay số: 104-P-5785423 ngày 02/11/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và bà Văn Thị T1 trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các

quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T1 đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà T1 vẫn không trả được nợ. Do đó, ngày 05/03/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T1 và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn trên toàn bộ dư nợ theo quy định của Ngân hàng. Như vậy, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp thẻ như thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng vay số: LD2230101500 ngày 24/10/2022 và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng vay số: 104-P-5785423 ngày 02/11/2022. Việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án buộc bà Văn Thị T1 phải trả số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/8/2025 là: 404.120.575 đồng. Cụ thể: Số tiền 313.400.285 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 214.757.370 đồng; nợ lãi trong hạn: 75.765.171 đồng; nợ lãi quá hạn: 22.877.744 đồng và lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 08/8/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng vay số: LD2230101500 ký ngày 24/10/2022. Số tiền 90.720.290 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 48.167.338 đồng; nợ lãi: 42.552.952 đồng và lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 08/8/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng vay số: 104-P-5785423 ký ngày 02/11/2022 là phù hợp với quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi năm 2017; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 nên cần được chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 08/8/2025 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng vay số: LD2230101500 ngày 24/10/2022 và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng vay số: 104-P-5785423 ngày 02/11/2022.

[3]. Về án phí DS-ST: Bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 404.120.575 đồng, tương ứng 20.164.823 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi năm 2017; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*” của Ngân hàng TMCP V đối với bà Văn Thị T1.

1. Buộc bà Văn Thị T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/8/2025 là: 404.120.575 đồng (*Bốn trăm lẻ bốn triệu, một trăm hai mươi nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng*). Cụ thể:

- Số tiền 313.400.285 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 214.757.370 đồng; nợ lãi trong hạn: 75.765.171 đồng; nợ lãi quá hạn: 22.877.744 đồng và lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 08/8/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng vay số: LD2230101500 ký ngày 24/10/2022.

- Số tiền 90.720.290 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 48.167.338 đồng; nợ lãi: 42.552.952 đồng và lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 08/8/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng vay số: 104-P-5785423 ký ngày 02/11/2022.

2. Án phí DS- ST: 20.164.823 đồng (*Hai mươi triệu một trăm sáu mươi tư nghìn tám trăm hai mươi ba đồng*) bà Văn Thị T1 phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 9.325.329 đồng (*Chín triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn ba trăm hai mươi chín đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007976 ngày 08/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng - nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Đà Nẵng.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận (*hoặc niêm yết*) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện KSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đông Thanh

